

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; tổ chức tang lễ khi từ trần đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 74/2013/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện cấp, quyết toán ngân sách nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5735/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; tổ chức tang lễ khi từ trần đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; tổ chức tang lễ khi từ trần đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; tổ chức tang lễ khi từ trần đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (chi tiết tại Quy định kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 09 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ:

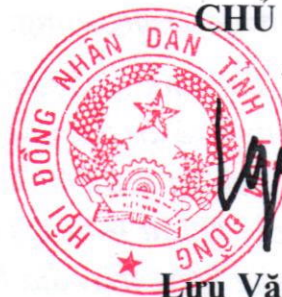
a) Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quy định chế độ, chính sách thăm bệnh, trợ cấp ốm đau, khám sức khỏe; phúng viếng cán bộ từ trần; tham quan, nghỉ dưỡng và tặng quà nhân dịp lễ, tết cho cán bộ tỉnh Bình Thuận.

b) Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Lâm Đồng.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 3 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XI;
- VP: TU, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị - VP UBND tỉnh;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung



QUY ĐỊNH

**Nội dung và mức chi thực hiện chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe;
chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; tổ chức tang lễ khi
từ trần đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức
và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; chế độ thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn; tổ chức tang lễ khi từ trần đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1 (bao gồm đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng):

a) Các chức danh, chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị và Ban Bí thư quản lý;

b) Cán bộ thôi giữ chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (lão thành cách mạng) được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; cán bộ hoạt động ở miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ (1954 - 1975) được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu (được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh - giải thưởng cá nhân) và được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu (được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh - giải thưởng cá nhân) là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động đang công tác hoặc nghỉ hưu.

c) Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy Khu VI, Khu ủy viên Khu VI (trước đây); Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

2. Đối tượng 2 (bao gồm đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng):

a) Tỉnh ủy viên; cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Lão thành cách mạng) và cán bộ hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945 (Tiền khởi nghĩa)

đã được công nhận và đang được hưởng chế độ ưu đãi; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Thầy thuốc nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân; người được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập; người được tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng trở lên; Cấp trưởng, phó (*không là Tỉnh ủy viên*): các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy viên Thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh (trước sáp nhập đã nghỉ hưu); Cấp trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng, Trường Chính trị tỉnh; Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (*trước sáp nhập đã nghỉ hưu*).

b) Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; nguyên Vụ trưởng, phó vụ trưởng các bộ, các ban đảng, đoàn thể Trung ương đã nghỉ hưu cư trú tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

c) Cấp trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương.

3. Đối tượng 3 (*bao gồm đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*)

a) Cấp phó: các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng, Trường Chính trị tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại địa phương.

b) Phó Bí thư: Đảng ủy cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy viên ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (*trước sáp nhập đã nghỉ hưu*); Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Lâm Đồng (xếp hạng I trở lên); cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; Bí thư, Phó bí thư đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (*tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025*);

d) Người hoạt động cách mạng trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, đồng thời có huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên đang sinh sống (thường trú) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

đ) Ủy viên ban chấp hành Đảng ủy: cơ quan Đảng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên ban thường vụ đảng ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (*tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025*); Cấp phó: các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương; Giám đốc doanh nghiệp trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn (xếp hạng I trở lên); Những người

được phong danh hiệu: Nhà giáo ưu tú, Nghệ sỹ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

4. Đối tượng được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế của Trung ương (*bao gồm đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*).

Thực hiện theo Hướng dẫn số 52-HD/BTCTW, ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Ban Tổ chức Trung ương “Hướng dẫn việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng khám, chữa bệnh tại một số cơ sở y tế của Trung ương” và các văn bản, hướng dẫn khác có hiệu lực.

5. Các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Cán bộ có nhiều chức danh thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 quy định này, chỉ áp dụng chế độ đối với chức danh cao nhất.

2. Trường hợp người có chức danh tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 bị kỷ luật cách chức, bị bãi nhiệm các chức vụ trong đảng hoặc chính quyền thì không thuộc đối tượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; thăm hỏi, hỗ trợ ốm đau, khó khăn.

3. Phụ cấp chức vụ không làm căn cứ để xếp vào đối tượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

4. Chế độ thăm hỏi, hỗ trợ:

a) Thăm hỏi khi nằm viện ngắn ngày (dưới 10 ngày).

b) Hỗ trợ ốm đau khi nằm viện dài ngày (từ 10 ngày trở lên), nhưng tối đa không quá 120 ngày/01 năm.

c) Hỗ trợ điều trị bệnh hiểm nghèo.

d) Hỗ trợ khi gặp hoàn cảnh khó khăn (gặp rủi ro, thiên tai hoặc gia đình của đối tượng gặp khó khăn đặc biệt về mặt kinh tế).

đ) Chế độ thăm hỏi, hỗ trợ được thực hiện không quá 02 lần/người/một năm.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung và mức chi chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ

1. Chế độ đối với cán bộ thuộc diện được khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế của Trung ương

Các chức danh, chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (bao gồm: đang công tác hoặc đã nghỉ hưu) được hỗ trợ kinh phí trong thời gian khám định kỳ tại các bệnh viện tuyến Trung ương và nghỉ dưỡng theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền; cụ thể:

Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi ở đến nơi khám, chữa bệnh và ngược lại (gồm: xăng xe, lệ phí cầu đường); hỗ trợ tiền ăn 700.000 đồng/ngày/người, hỗ trợ tiền nước uống 100.000 đồng/ngày/người và hỗ trợ tiền ngủ 1.000.000 đồng/ngày/người.

2. Chế độ khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập tỉnh Lâm Đồng

a) Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm c khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian điều trị tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh, với mức 100.000 đồng/người/ngày.

b) Đối tượng 1 quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 2 Quy định này

Được khám sức khỏe định kỳ 01 năm 02 lần theo kế hoạch khám sức khỏe hàng năm của cấp có thẩm quyền, có Bác sĩ của Bệnh viện tuyến Trung ương tham gia khám và kết luận; được hỗ trợ chi phí đồng chi trả Bảo hiểm y tế với mức 20% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 80%) hoặc mức 5% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 95%) và chi phí phát sinh theo yêu cầu chuyên môn.

Được chi tiền ăn sáng, nước uống khi đi khám sức khỏe định kỳ với mức 100.000 đồng/người/ngày.

Được khám và điều trị bệnh tại Khu khám và Điều trị cán bộ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận, Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông, các Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế khu vực theo phân cấp và Bệnh viện tuyến Trung ương (Riêng các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đương chức hoặc nghỉ hưu được khám bệnh tại nhà riêng khi bị bệnh nặng); được hỗ trợ chi phí đồng chi trả Bảo hiểm y tế với mức 20% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 80%) hoặc mức 5% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 95%); được chẩn đoán và điều trị kỹ thuật cao theo yêu cầu chuyên môn.

Ngoài mức thanh toán theo quy định của Bảo hiểm y tế, phần chi phí còn lại được hỗ trợ thêm như sau: Hỗ trợ 100% đối với đơn thuốc dưới 10 lần mức lương cơ sở, trường hợp đơn thuốc vượt quá 10 lần mức lương cơ sở thì được hỗ trợ 60%, nhưng không quá 30 lần mức lương cơ sở/năm; trường hợp đặc biệt phải điều trị kỹ thuật cao theo yêu cầu chuyên môn phải được cấp có thẩm quyền quyết định, mức hỗ trợ để điều trị kỹ thuật cao và đơn thuốc không được quá 50 lần mức lương cơ sở/năm; Được hỗ trợ thanh toán 100% chi phí chuyển viện lên tuyến trên.

c) Đối tượng 2 quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 và đối tượng 3 quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Quy định này

Được khám sức khỏe định kỳ 01 năm 01 lần theo kế hoạch khám sức khỏe hàng năm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và được hỗ trợ kinh phí đồng chi trả Bảo hiểm

y tế với mức 20% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 80%) hoặc mức 5% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 95%) trong đợt khám định kỳ và chi phí phát sinh theo yêu cầu chuyên môn.

Được khám và điều trị bệnh tại Khu Khám và Điều trị cán bộ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận, Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông, Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế khu vực theo phân cấp.

Ngoài mức thanh toán theo quy định của Bảo hiểm y tế, phần chi phí theo đơn thuốc còn lại được hỗ trợ thêm 50% nhưng không quá 20 lần mức lương cơ sở/năm.

d) Đối tượng 3 quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, khoản 3 Điều 2 Quy định này

Được khám sức khỏe định kỳ 01 năm 01 lần theo kế hoạch khám sức khỏe hàng năm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và được hỗ trợ kinh phí đồng chi trả Bảo hiểm y tế với mức 20% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 80%) hoặc mức 5% (nếu thuộc đối tượng được hưởng BHYT 95%) trong đợt khám định kỳ và chi phí phát sinh theo yêu cầu chuyên môn.

Được khám và điều trị bệnh tại Khu Khám và Điều trị cán bộ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận, Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông, Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế khu vực theo phân cấp.

3. Mức hỗ trợ cho các đối tượng khác tham gia phục vụ, tổ chức khám, chữa bệnh cho cán bộ

a) Hỗ trợ chi trả đối với thành phần, đối tượng tham gia phục vụ khi tổ chức Đoàn cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (bao gồm đang công tác hoặc đã nghỉ hưu) đi khám chữa bệnh tại cơ sở y tế của Trung ương và nghỉ dưỡng (mỗi Đoàn gồm: 01 Bác sĩ, 01 chuyên viên, 01 lái xe).

Áp dụng các mức chi tại khoản 1 Điều 5 Quy định này

b) Hỗ trợ chi trả đối với Đoàn Bác sĩ Bệnh viện Thống nhất Thành phố Hồ Chí Minh khi đến khám sức khỏe tại tỉnh Lâm Đồng cho đối tượng 1 quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Phương tiện đi lại (bằng máy bay hoặc xe ô tô) theo hóa đơn thực tế;

Tiền ăn (gồm nước uống) 700.000 đồng/ngày/người (mức chi được áp dụng cho các thành viên tham gia tiếp đoàn theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền);

Tiền thuê phòng nghỉ (tiêu chuẩn 02 người/phòng) với mức 1.000.000 đồng/ngày/phòng (trường hợp đã được tính bố trí chỗ nghỉ miễn phí thì không hỗ trợ);

Hỗ trợ trực tiếp cho Đoàn: Mức hỗ trợ đối với Trưởng Đoàn bằng 04 lần mức lương cơ sở; các thành viên còn lại bằng 03 lần mức lương cơ sở.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ THĂM HỎI, HỖ TRỢ ÓM ĐAU, KHÓ KHĂN

Điều 6. Mức thăm hỏi, hỗ trợ

1. Mức thăm hỏi khi nằm viện ngắn ngày

a) Đối tượng 1 quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 và đối tượng 2 tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quy định này: 2.000.000 đồng/người/lần.

b) Đối tượng 3 quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này: 1.500.000 đồng/người/lần.

2. Mức hỗ trợ ốm đau khi nằm viện dài ngày

a) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm c khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này khi mắc bệnh phải điều trị tại bệnh viện dài ngày hoặc phải đại phẫu được xét hỗ trợ tối đa 7.000.000 đồng/người/lần.

b) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm c khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này chuyển đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác sinh sống, mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/người/lần.

3. Hỗ trợ điều trị bệnh hiểm nghèo

a) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm c khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này khi bị bệnh hiểm nghèo (*theo quy định Danh mục các bệnh hiểm nghèo do cấp có thẩm quyền ban hành*) phải phẫu thuật, điều trị, can thiệp, sử dụng thuốc đặc trị được xem xét hỗ trợ chi phí điều trị.

b) Mức hỗ trợ:

Ngoài chi phí được Bảo hiểm y tế thanh toán, được hỗ trợ 50% chi phí còn lại, tổng mức hỗ trợ không quá 30.000.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ khi gặp hoàn cảnh khó khăn

Đối tượng quy định tại điểm a, điểm c khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này gặp hoàn cảnh khó khăn được xét hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/người/lần.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC LỄ TANG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHI TỪ TRẦN

Điều 7. Mức chi Lễ viếng

1. Đối với người từ trần thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 và đối tượng 2 quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Quy định này: Lễ viếng gồm 01 vòng hoa, dải băng đen và kèm theo tiền phúng điếu là 2.500.000 đồng.

2. Đối với người từ trần thuộc đối tượng 3 quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này: Lễ viếng gồm 01 vòng hoa, dải băng đen và kèm theo tiền phúng điếu là 2.000.000 đồng.

Điều 8. Mức chi Lễ viếng đối với thân nhân cư trú tại tỉnh Lâm Đồng, hoặc cư trú tại các tỉnh khác khi từ trần (Bố mẹ đẻ; bố mẹ vợ; bố mẹ chồng; vợ hoặc chồng; con)

1. Mức chi Lễ viếng thân nhân các chức danh thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này gồm: 01 vòng hoa, dải băng đen và kèm theo tiền phúng điếu là 1.500.000 đồng.

2. Mức chi Lễ viếng thân nhân các chức danh thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 2 và đối tượng 2 quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Quy định này gồm: 01 vòng hoa kèm theo tiền phúng điếu là 1.500.000 đồng.

3. Mức chi Lễ viếng thân nhân các chức danh thuộc đối tượng 3 quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này gồm: 01 vòng hoa kèm theo tiền phúng điếu là 1.000.000 đồng.

Điều 9. Mức chi phúng viếng ngoại giao

Lễ viếng gồm 01 vòng hoa, dải băng đen kèm theo tiền phúng điếu là 1.000.000 đồng.

Điều 10. Mức hỗ trợ mai táng

1. Hỗ trợ mai táng ngoài mức kinh phí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được ngân sách tỉnh hỗ trợ, mức quy định cụ thể đối với từng đối tượng như sau:

a) Đối tượng 1 quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này được hỗ trợ số tiền là 10.000.000 đồng.

b) Đối tượng 1 quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 và đối tượng 2 quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Quy định này được hỗ trợ số tiền là 7.000.000 đồng.

c) Đối tượng 3 quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 2 Quy định này được hỗ trợ số tiền là 5.500.000 đồng.

2. Hỗ trợ mai táng do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi người từ trần nghỉ hưu thực hiện chi (không cân đối vào kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị) và thanh quyết toán theo quy định./.